TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Xuyến;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 20xx; đăng ký thường trú: Thôn R, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn 3 K, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Minh H, sinh năm 20xx, nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D trình bày:

Chị D và anh Phạm Minh H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T ngày 28/6/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính

tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh H ham chơi cờ bạc, nợ nần nhiều; không chia sẻ, quan tâm đến vợ con; vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, từ năm 2023, chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị D yêu cầu được ly hôn anh H. Chị D và anh H có 01 con chung là Phạm Hoàng Thảo V, sinh ngày 15/3/20xx. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D đề nghị Toà án giao con cho chị trực tiếp nuôi. Chị D tự thoả thuận với anh H về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, yêu cầu anh H giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh H và chị D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, một phần do anh H ham chơi, nợ nần nhiều, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung dưới 36 tháng tuổi; kể từ khi anh chị sống ly thân, chị D trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không giao nộp bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa là thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh

Phạm Minh H; giao con Phạm Hoàng Thảo V, sinh ngày 15/3/20xx cho chị D trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Phạm Minh H là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn R, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh H) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh H; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh H không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị D) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Phạm Minh H được xác lập từ ngày 28/6/2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần là do anh H ham chơi, nợ nần nhiều, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh chị sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị D được ly hôn anh H.

[5] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Hoàng Thảo V, sinh ngày 15/3/20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung do chị D trực tiếp nuôi; cháu Vy hiện dưới 36 tháng tuổi đang do chị D trực tiếp nuôi, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, giao con Phạm Hoàng Thảo Vy cho chị D trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Hoàng Thị D):

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Phạm Minh H.

2. Về con chung: Giao con Phạm Hoàng Thảo V, sinh ngày 15/3/20xx cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 15/4/2025 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009169 ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnT;
- UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 19/2021);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến